

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 03/GODERE/2021

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Godere

Địa chỉ trụ sở: 46 Quang Trung, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0911 265 999

Mã số doanh nghiệp: 6400364193

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 19/2021/NNPTNT-ĐNô;  
Ngày cấp: 27/4/2021; Nơi cấp: Chi cục Phát triển Nông nghiệp – Sở Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Cà phê Túi lọc (Robusta)**

2. Thành phần: 100% Cà phê Robusta

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trực tiếp trong bao bì thực phẩm có in nhãn mác đầy đủ.

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói kín, không tiếp xúc với không khí bên ngoài. Khối lượng tịnh: 500g.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



**CÀ PHÊ TÚI LỌC (ROBUSTA)**

Tên cơ sở: Công ty cổ phần Godere

Địa chỉ trụ sở: 46 Quang Trung, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0911 265 999

- Các thành phần chính: 100% Cà phê (Robusta; Arabica) Không phụ gia thực phẩm.

- Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

+ Hàm lượng caffeine:  $\geq 1$

+ Độ ẩm:  $\leq 5\%$

+ Hàm lượng chất tan trong nước:  $\geq 25\%$

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên bao bì.

- Hướng dẫn sử dụng: Châm vào trong túi lọc khoảng 20 ml nước đun sôi, để trong vòng 10 giây cho cà phê thấm đều rồi châm thêm khoảng 120ml nước sôi. Sau đó, thêm đường, sữa, đá tùy theo ý thích.

- Bảo quản: Nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp và đóng kín bao sau khi sử dụng.

- Định lượng: Cà phê túi lọc được bao gói trong hộp khô sạch (10 gói/hộp, với khối lượng 12g/gói).

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

##### 1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Cà phê pha có màu đặc trưng của sản phẩm.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: Mùi thơm, vị đặc trưng sản phẩm, không có mùi vị lạ.

##### 1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: theo yêu cầu của nhà sản xuất.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	$\leq 0,6$
2	Hàm lượng caffein	%	$\geq 1$
3	Hàm lượng tro tổng	%	$\leq 5$
4	Phẩm màu hữu cơ tan trong nước	-	Không có

##### 1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$10^4$
2	<i>Coliforms</i>	MPN/g	10
3	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
5	<i>Bacillus cereus</i>	MPN/g	$10^2$
6	Tổng số bào tử nấm men – mốc	CFU/g	$10^2$

##### 1.4. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2,0
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

##### 1.5. Hàm lượng độc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1: 2011/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	µg/kg	5

**1.6. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:** Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, các hóa chất không mong muốn khác phù hợp với Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Gia Nghĩa, ngày 20 tháng 05 năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



*Trần Đình Danh*





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN  
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu : 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office : 39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city  
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013  
Email : ktelviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ No: 03095 2104/KQ  
Mã số/ Code: 1254 2104  
Mã số mẫu/ Sample code: 03977 2104  
Trang/ Page: 1/ 2



VILAS 1074 VIMCERTS 211

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN GODERE  
Địa chỉ/ Address : 46 Quang Trung, phường Nghĩa Tân, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/04/2021 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 13/04/2021  
Loại mẫu/ Kind of sample : Cà phê Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 mẫu  
Tên mẫu/ Name of sample : CÀ PHÊ TÚI LỘC (ROBUSTA)  
Tình trạng mẫu/ State of sample : Dựng trong bao bì kín



STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Cảm quan			
	Màu sắc	TCVN 5251 : 2015	-Màu nâu đặc trưng sản phẩm.	-
	Mùi, vị		-Mùi thơm, vị đặc trưng sản phẩm, không có mùi vị lạ.	-
	Trạng thái		-Bột mịn, không vón cục.	-
	Cà phê pha		-Cà phê pha có màu đặc trưng sản phẩm.	-
2	Độ ẩm (*)	TCVN 7035 : 2002	0,66	%
3	Caffeine (*)	TCVN 9723 : 2013 (ISO 20481 : 2008)	2,23	%
4	Chất tan trong nước	AOAC 973.21	30,9	%
5	Tro không tan trong HCl 10%	TCVN 5253 : 1990	Không phát hiện (LOD=0,05)	%
6	Ochratoxin A	SOP.01-244 : 2020 (Ref. TCVN 8426 : 2010)	Không phát hiện (LOD=1,5)	µg/kg



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN  
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu : 39A, Đường số 4, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office : 39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, Ho Chi Minh city  
Tel : (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax : (028) 3824 7013  
Email : ktclviettin@gmail.com Web : kiemnghiemviettin.com

Số/ No: 03095 2104/KQ  
Mã số/ Code: 1254 2104  
Mã số mẫu/ Sample code: 03977 2104  
Trang/ Page: 2/ 2



VILAS 1074 VIMCERTS 211

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
7	Arsen (As) (*)	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0,05)	mg/kg
8	Cadimi (Cd) (*)	AOAC 999.11	0,0028	mg/kg
9	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
10	Thủy ngân (Hg) (*)	AOAC 974.14	Không phát hiện (LOD=0,015)	mg/kg
11	Độ mịn (dưới rây 0,56mm)	TCVN 10821 : 2015	40,0	%
	Độ mịn (trên rây 0,25mm)	TCVN 10821 : 2015	14,2	%

**Ghi chú/ Notes:**

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by:

- Bộ Y Tế - Cục An Toàn Thực Phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety ; Bộ Nông Nghiệp - Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER**

**ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng**

**GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR**



**ThS. Nguyễn Văn Tâm**